TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chí;

2. Ông Trần Văn Xuân;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXX - ST, ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp L, xã p, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 15/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn từng vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống. Bà nhiều lần nói chuyện với ông T nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không trả lời nên mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết. Về sau, ông T thường xuyên bạo lực gia đình nặng nề với bà, đến nay bà không thể nào tha thứ cho ông T được. Khoảng 10 năm nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng ông T không chia sẻ các công việc gia đình với bà, mỗi người có cuộc sống sinh hoạt riêng, không ai quan T đến ai. Khoảng hơn 02 tháng nay, bà đã

đi nơi khác sinh sống. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/8/2013. Từ khi bà đi nơi khác sinh sống, thì buổi sáng ông T chở 02 con đến chỗ của bà để cho bà chăm sóc, chiều tối ông T rước về nhà ông T. Khi ly hôn, bà mong muốn được nuôi 02 con, vì trước giờ con chủ yếu được bà chăm sóc. Tuy nhiên, do cháu N có nguyện vọng được sống với ông T nên bà đồng ý giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1. Hiện tại, bà buôn bán nhỏ, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Bà bảo đảm đủ điều kiện nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H trình bày, bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được trong quá trình chung sống. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Hiện tại, bà H và ông T không còn sống chung nữa. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông T cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Qua đó, xác định ông T không có thiện chí

hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa bà H và ông T không còn thương yêu, quan T, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị H đối với ông Nguyễn Ngọc T.

[2.2] Quan hệ con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/8/2013. Theo bà H trình bày, từ khi bà và ông T không sống chung thì 02 con vẫn được ông T đưa rước qua lại giữa nơi ở của bà và nơi ở của ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Thúy N cho ông T trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc T1. Cháu N có nguyện vọng được sống với ông T, cháu T1có nguyện vọng được sống với bà H. Ông T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con chung của bà H. Đồng thời, từ trước đến nay, các con vẫn qua lại giữa bà H và ông T, nên việc giao con cho bà H hoặc ông T nuôi đều không làm ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hiện tại của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giao ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 12/4/2010; giao bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/8/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H có ý kiến tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trịnh Thị H đối với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Giao ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 12/4/2010; giao bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/8/2013.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có nghĩa vụ trông nom chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chưa thành niên. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật, thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Trịnh Thị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011427 ngày 25/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương